TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2022
V/v: "*T/c Hôn nhân và gia đình xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phượng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện-Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị N, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Văn V, sinh năm: 1990, địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của N đơn chị Thạch Thị N như sau: Chị với anh Bùi Văn V thành hôn là do cha mẹ hai bên sắp đặt, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 02 năm 2017 tại UBND xã T2, huyện T3, tỉnh Kiên Giang.

Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, cải vã nhau liên tục dẫn đến tình cảm phai nhạt, mất hạnh phúc mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không đem lại kết quả.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2018 hiện chị N đang nuôi và yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: Anh Bùi Văn V vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về tố tụng:

- Anh Bùi Văn V có nơi cư trú tại ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn V với tư cách là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt, việc vắng mặt của anh V không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh V không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V theo quy định khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Thạch Thị N và anh Bùi Văn V có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 02 năm 2017 tại UBND xã T2, huyện T3, tỉnh Kiên Giang là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Anh V và chị N sau khi thành hôn về chung sống với nhau hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân chủ yếu do tính tình không phù hợp, thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cũng đã nhiều lần tự khắc phục sửa chữa khuyết điểm nhưng suốt thời gian dài vẫn không có kết quả mà ngược lại còn gây gắt hơn, cuộc sống hôn nhân đã hoàn toàn không còn hạnh phúc, không thể duy trì để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị N quyết định xin ly hôn với anh V.

Đối với anh Bùi Văn V không hợp tác để tham gia các phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa. Điều này chứng tỏ rằng anh V không còn quan tâm tới chị N nữa, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh V là cần thiết, phù hợp pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc N1, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2018 hiện chị N đang nuôi và yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh Kiệt cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cháu N1 hiện nay còn nhỏ, cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ, nghĩ nên xử giao cháu Bùi Thị Ngọc N1 cho chị N tiếp tục nuôi đến trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật), anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, anh V có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản và nợ: Không có, miễn xét.

3. Về án phí: Chị Thạch Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- □p dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khỏan 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 5 Điều 177, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- □p dụng Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- □p dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Thạch Thị N đối với anh Bùi Văn V.

2. Về con chung: Xử giao cháu Bùi Thị Ngọc N1 cho chị N tiếp tục nuôi đến trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật), anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, anh V có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản và nợ: Không có, miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc chị Thạch Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008267, ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là 30 tháng 9 năm 2022, anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ VĂN TÁM